

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 26-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi: Dì T), sinh năm 1942; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N có mặt, bị đơn bà M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) trình bày:

Giữa bà N (tên thường gọi: Dì T) và bà Nguyễn Thị M có mối quan hệ quen biết với nhau, cùng là người ở tại Ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ngày 08/7/2020, bà M hỏi mượn của bà N số tiền 28.000.000 đồng, do quen biết và tin tưởng nên bà N đồng ý cho bà M mượn số tiền trên. Để thể hiện nội dung sự việc, bà M tự tay viết giấy nợ với nội dung “tôi Nguyễn Thị M có mượn Dì T tiền góp. Tổng là 28.000.000 triệu đồng chẵn. Bắt đầu từ tháng 9 trả 1 triệu cho dì...”. Theo đó, bà M mỗi tháng trả góp 1.000.000 đồng cho bà N cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả góp từ tháng 9 năm 2020. Tuy nhiên, bà M không thực hiện như thỏa thuận, đến nay chưa trả được cho bà N bất kỳ số tiền nào.

Nhiều lần bà N yêu cầu trả nợ nhưng bà M không trả tiền nên bà N đã khởi kiện tại Tòa án. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu bà M thanh toán số tiền 28.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị M:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Thị M vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:

Quan hệ pháp luật của vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục. Về nội dung vụ án: Bà N yêu cầu bà M thanh toán số tiền nợ 28.000.000 đồng căn cứ vào chứng cứ giấy nợ ngày 08/7/2020. Bị đơn bà M được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, bà M đã từ bỏ nghĩa chứng minh của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N: Do giấy vay tiền thỏa thuận hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N (chấp nhận 07 tháng vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M thanh toán số tiền 28.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình tố tụng thể hiện, bị đơn bà Nguyễn Thị M hiện đang cư trú tại Ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[2] Về nội dung vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu bà M thanh toán số tiền nợ 28.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 08/7/2020, bà M được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 08/7/2020, bà M hỏi vay của bà N số tiền 28.000.000 đồng. Để thể hiện nội dung sự việc, bà M tự tay viết giấy nợ với nội dung “tôi Nguyễn Thị M có mượn Dì T tiền góp. Tổng là 28.000.000 triệu đồng chẳng. Bắt đầu từ tháng 9 trả 1 triệu cho dì...”. Theo đó, bà M mỗi tháng trả góp 1.000.000 đồng cho bà N cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả góp từ tháng 9 năm 2020. Tuy nhiên, bà M không thực hiện như thỏa thuận, đến nay chưa trả được cho bà N bất kỳ số tiền nào. Việc bà M không thanh toán số tiền trên cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà N không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 28.000.000 đồng nêu trên, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng là có căn cứ. Riêng về phần nội dung vụ án là chưa phù hợp như đã nhận định ở phần trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị M đều là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bên đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Dì T) đối với bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) theo “Giấy nợ” ngày 08/7/2020.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị M chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị M được miễn nộp tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật..

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam